

Số: 3053/TB-UBND

Đồng Thuận, ngày 24 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh sách đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” trên địa bàn phường Đồng Thuận

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15/6/2022; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng; Quyết định số 01/2026/QĐ-TTg ngày 01/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

UBND phường Đồng Thuận tiếp nhận 115 hồ sơ đề nghị tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng” của các cá nhân là thanh niên xung phong đã tham gia trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc; trong đó 111 trường hợp đề nghị xét tặng, 04 trường hợp đề nghị truy tặng (*Danh sách chi tiết kèm theo*).

Thời gian niêm yết: 10 ngày làm việc, từ ngày 25/8/2026 đến hết ngày 11/9/2026.

Hình thức niêm yết: Tại trụ sở cơ quan UBND phường, Trang Thông tin điện tử phường và Đài truyền thanh phường Đồng Thuận.

Trong thời gian niêm yết, trường hợp có ý kiến, đề nghị phản ánh về UBND phường Đồng Thuận (qua Phòng VHXX phường, công chức Nguyễn Thị Cẩm Lan, số điện thoại 0915638081) để được tiếp nhận, giải quyết.

Kết thúc thời gian niêm yết, UBND phường Đồng Thuận sẽ lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH phường;
- Các phòng chuyên môn;
- Hội Cựu Thanh niên xung phong phường;
- Các Tổ dân phố;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Đắc

DANH SÁCH
Các trường hợp đề nghị xét tặng, truy tặng “ Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”
(Kèm theo Công văn số 3053/UBND-VHXXH ngày 24/8 /2026 của UBND phường Đồng Thuận)

1. Đề nghị xét tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”: 111 trường hợp

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Đơn vị TNXP	Ngày tham gia TNXP	Ngày kết thúc TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP	Giấy tờ minh chứng
I	Bắc Lý cũ								
1.	Trần Thị Lan	15/12/1945	Xã Quảng Thuận, Quảng Trạch	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	N75-753-P31	14/6/1965	8/1967	2 năm 2 tháng	Thẻ hội viên; Quyết định trợ cấp mất sức lao động có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; chứng nhận huân chương kháng chiến hạng 3
2.	Trần Thị Ty	01/02/1943	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C737 N73 P31	06/1965	02/1973	6 năm 8 tháng	Thẻ hội viên; bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 1998; chứng nhận huân chương kháng chiến hạng Nhất
3.	Trần văn Tiễn	07/10/1949	Phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C752 N119 P31	05/1967	05/1970	3 năm 1 tháng	Thẻ hội viên; bản xác nhận quá trình tham gia BHXH có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 199??; chứng nhận huân chương kháng chiến hạng ba
4.	Hoàng Thị Nguyễn	05/11/1942	Xã Nam Gianh, tỉnh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N75-753-P31	24/7/1965	01/02/1971	6 năm 1 tháng	Thẻ hội viên; bản sơ yếu lý lịch Đảng viên có kê khai quá trình tham gia TNXP; Kỷ niệm chương

			Quảng Trị	(Bắc Lý cũ)					TNXP năm 1999;
5.	Võ Thế Mạnh	12/11/1942	Dương Thủy, Huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	N75-757-P31	05/6/1965	03/7/1967	2 năm 1 tháng	Thẻ hội viên; bản sơ yếu lý lịch Đảng viên có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; Giấy xác nhận được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba
6.	Nguyễn Thị Đào	05/8/1949	Xã Bắc Trạch	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C1 N129 P31	02/1966	03/1969	3 năm	Thẻ hội viên; Quyết định nghỉ hưu có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 2000; Huân chương kháng chiến hạng ba
7.	Trần Thị Mai Đình	17/10/1948	Vĩnh Ninh- Quảng Ninh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C754-N75-P31	06/1965	10/1969	4 năm 4 tháng	Thẻ hội viên; Lý lịch Đảng viên có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đội TNXP năm 1975; Kỷ niệm chương TNXP năm 1998; Thẻ TNXP; Huân chương kháng chiến hạng ba
8.	Nguyễn Thị Xuân	20/10/1950	Xã Lý Ninh- Quảng Ninh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C3D2 Đoàn 104	05/1969	0/1975	5 năm 11 tháng	Thẻ hội viên; bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Giấy chứng nhận Hội cựu TNXP Quảng trị cấp năm 2025; Kỷ niệm chương TNXP năm 2001; Huy chương kháng chiến hạng Nhất
9.	Trần Thị Liên	10/10/1952	Xã Tân Gianh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	Đoàn 104	11/1969	02/1972	2 năm 3 tháng	Sổ BHXH có kê khai quá trình tham gia TNXP
10.	Dương Thị Dục	05/01/1950	Xã Hoàn Lão	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Đại đội 751 thuộc đội 119	10/6/1969	28/4/1972	2 năm 11 tháng	Thẻ hội viên; Quyết định về hưu có kê khai quá trình tham gia TNXP; Chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đội TNXP năm 1982; Kỷ niệm

				(Bắc Lý cũ)					chương TNXP năm 1999;
11.	Dương Thị Nhùng	08/12/1952	Xã Đông Trạch	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C751- N109- P31	07/1969	01/1973	3 năm 6 tháng	Thẻ hội viên; bản khai thành tích tham gia kháng chiến có kê khai quá trình tham gia TNXP; Quyết định về hưu có thời gian tham gia TNXP; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; Huy chương kháng chiến hạng Nhất
12.	Hoàng Thị Mai	25/4/1950	Phong Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C6 D3 Đoàn 104	11/1969	02/1973	3 năm 3 tháng	Thẻ hội viên; Biên bản xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do UBND phường bắc Lý cấp năm 2010; Kỷ niệm chương TNXP năm 2001; Giấy xác nhận được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất
13.	Nguyễn Thị Thương	12/5/1952	Xã Bồ Trạch	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	D70 Đoàn 1044	03/1970	05/1975	5 năm 2 tháng	Thẻ hội viên; Bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Quyết định đi B; Kỷ niệm chương TNXP năm 2001; Danh sách đề nghị tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất.
14.	Trần Thị Ánh Tuyết	05/05/1947	Xã Nam Gianh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C731- N73-P31	06/6/1965	01/4/197 4	9 năm 8 tháng	Thẻ hội viên; Giấy chứng nhận của Hội cựu TNXP Quảng trị cấp năm 2025; Quyết định tặng danh hiệu Dũng sĩ giao thông vận tải, đánh thắng giặc Mỹ năm 1968 (đơn vị C731); Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; Chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đội TNXP năm 1972; Thẻ thương binh; Huân (huy) kháng chiến hạng 3
15.	Võ Thị Giáo	12/8/1955	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C3 BT16 Đ559	15/10/197 1	20/12/19 73	2 năm 2 tháng	Thẻ hội viên; QĐ về việc giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với TNXP nhưng không xác định được thời gian tham gia TNXP; Giấy anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 2011
16.	Hoàng Thị	16/9/1953	Xã Lý Ninh-	Phường Đồng Thuận,	C1 D3	06/1971	10/1973	2 năm 4	Thẻ hội viên; QĐ về việc giải quyết chế độ trợ

	Hồng		Quảng Ninh	tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	BT17-Đ559			tháng	cấp 1 lần đối với TNXP nhưng không xác định được thời gian tham gia TNXP
17.	Nguyễn Thanh Niên	12/8/1953	Xã Lý Ninh-Quảng Ninh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C1 D3 BT17-Đ559	06/1971	10/1973	2 năm 4 tháng	Thẻ hội viên; QĐ về việc giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với TNXP nhưng không xác định được thời gian tham gia TNXP
18.	Nguyễn Thị Khấu	26/10/1950	Xã Lý Ninh-Quảng Ninh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C3-N127-P31	03/3/1967	05/12/1970	3 năm 9tháng	Thẻ hội viên; QĐ về việc giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với TNXP nhưng không xác định được thời gian tham gia TNXP; Kỷ niệm chương TNXP năm 2000
19.	Hoàng Thị Cánh	28/8/1950	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C759-N119-P31	02/1969	06/1973	4 năm 4 tháng	Thẻ hội viên; Giấy chứng nhận của Hội cựu TNXP Quảng trị cấp năm 2025; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999
20.	Trần Xuân Hoét	10/12/1952	Xã Lý Ninh-Quảng Ninh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C4-D195.F8-Đoàn 559	05/197	10/1972	2 năm 6 tháng	Thẻ hội viên; Giấy chứng nhận tham gia TNXP do BCH quân sự huyện Quảng Ninh cấp năm 2005; huy chương kháng chiến hạng nhất
21.	Nguyễn Thị Kim Cưng	10/02/1972	Xã Hoàn Lão	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C751 N7 P31 và N119 P31	06/1965	01/1975	8 năm 7 tháng	Thẻ hội viên; Thẻ thương binh; Chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đội TNXP năm 1975; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; Giấy chứng nhận của Hội cựu TNXP Quảng trị cấp năm 2025
22.	Hoàng Thị Phương	01/4/1945	Xã Thanh Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	734-N73-P31 sau chuyển đội 81	26/4/1965			Thẻ hội viên; Quyết định trợ cấp thương tật và cấp giấy chứng nhận năm 1998; Kỷ niệm chương TNXP năm 1999; Giấy xác nhận được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng

									ba
23.	Nguyễn Thị Lương	01/01/1951	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	TDP 11 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C2D72	3/1968	2/1971	2 năm 11 tháng	Giấy chứng nhận ban thường vụ hội TNXP tỉnh Quảng Bình
24.	Trần Thị Dung	19/6/1954	Xã Yên Hoà, tỉnh Hà Tĩnh	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N55-552-P18	7/1972	1/1975	2 năm 6 tháng	Bản xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội
25.	Nguyễn Văn Tiến	10/10/1949	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104	11/1969	12/1971	2 năm 2 tháng	Lý lịch Đảng viên
26.	Cao Thị Tiến	5/5/1946	Xã Hồng Hoá, Minh Hoá, Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N73 735-P31	7/1965	12/1968	3 năm 6 tháng	QĐ hưu trí. Năm sinh khác nhau.
27.	Lê Thanh Diệu	29/3/1946	Xã Hiền Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	TDP 3, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C737 N73 P-31	7/1965	5/1971	5 năm 10 tháng	Quyết định hưu trí
28.	Lê Quang Xá	15/6/1947	Xã Tân Mỹ, tỉnh Quảng Trị	TDP 3, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N75-P31	4/1965	4/1969	4 năm	Quyết định Sở xây dựng Ngày sinh khác nhau
29.	Nguyễn Thị Cam	20/3/1944	Xã Lương Ninh, tỉnh Quảng Trị	TDP 3, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C-754-N73-P31	6/1965	2/1969	3 năm 8 tháng	Quyết định trợ cấp

30.	Trần Văn Chát	7/8/1945	Xã Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	D70 Đoàn 104	12/1969	4/1975	5 năm 4 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
31.	Lưu Thị Vui	28/3/1952	Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C2D3F47 3D559	2/1969	8/1972	3 năm 7 tháng	Bổ sung giấy tờ chứng minh thời gian tham gia đủ 24 tháng
32.	Phạm Thị Nững	11/12/1948	Phường Bắc Lý, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Phường Bắc Lý, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	C3D2 Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Giấy chứng nhận huy chương kháng chiến hạng Nhì
33.	Phạm Thị Băm	10/7/1952	Xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Phường Bắc Lý, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	D70 Đoàn 104	11/1969	4/1975	5 năm 6 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
34.	Trần Văn Xông	21/12/1943	TDP 11, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	TDP 11, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Đoàn 104	01/1964	4/1975	5 năm 6 tháng	Quyết định nghỉ hưu (là trợ lý quân y 69-75)
35.	Nguyễn Thị Hà	12/12/1946	Xã Lý Ninh, huyện Quảng Ninh	TDP 11 phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N75-754-P31	6/1965	10/1969	4 năm 5 tháng	Quyết định hưu trí
36.	Võ Thị	19/5/1946	Xã Duy Ninh, Quảng	TDP 8, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng	C2D3F47	10/1971	12/1973	2 năm 3	Giấy chứng nhận huy chương kháng chiến hạng

	Mừng		Ninh, Quảng Bình	Trị	3-559			tháng	nhì
37.	Trần Thị Bụt	15/11/1945	Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	TDP 8 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C737.P31 N73	7/1965	2/1970	4 năm 7 tháng	Huân chương kháng chiến hạng ba
38.	Võ Thị Minh	09/09/1953	Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Trị	TDP 8, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C1-D3-BT17-Đ559	9/1971	2/1973	Ko đủ 24 tháng	Giấy chứng nhận huy chương kháng chiến hạng nhì
39.	Lê Thị Thu	08/2/1946	Nghi Long, Nghi Lộc, Nghệ An	TDP 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N127-P31	3/1967	12/1970	3 năm 10 tháng	Giấy xác nhận huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất
40.	Lê Thị Hồng	10/10/1949	Quảng Lưu, Quảng Trạch, Quảng Bình	TDP 7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C752N119P31	1/1969	3/1973	3 năm 4 tháng	Giấy chứng nhận huy chương kháng chiến hạng nhất bản pho to
41.	Nguyễn Lương Lộc	10/2/1951	Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Huy chương kháng chiến hạng ba
42.	Nguyễn Lương Hội	6/5/1951	Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2Đoàn 104	9/1969	1/1973	3 năm 4 tháng	Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba (bản khai chưa thể hiện đủ thời gian tham gia TNXP)
43.	Trần Thị Trâm	10/01/1945	Duy Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	TĐp 9, Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	N127 – P31	3/1967	4/1970	3 năm 2 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
44.	Đậu Công	15/10/1947	Diễn Trung,	TDP 9, Phường	D7 Đoàn	5/1969	6/1975	6 năm 2	Huy chương kháng chiến hạng nhất

	Hoan		Diễn Châu, Nghệ An	Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	104			tháng	
45.	Nguyễn Như Tiên	9/10/1950	Lý Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	TDP7, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C10 TNXP71 5-BT17	10/1969	3/1972	2 năm 6 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
46.	Trương Thị Nào	01/11/1947	Lương Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình	TDP 8, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	B1-C1- N127- P31	3/1967	12/1970	3 năm 10 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
47.	Đỗ Thị Yên	13/08/1951	Vĩnh Tuy, Quảng Ninh, Quảng Trị	TDP 13, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất bản pho tô
48.	Hoàng Thị An	21/9/1951	Đồng Hới, Quảng Trị	TDP 13, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
49.	Trương Viết Chắt	25/7/1950	TDP 13, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	TDP 13, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104	6/1969	5/1973	4 năm	Huy chương kháng chiến hạng nhất bản pho tô
50.	Nguyễn Thị Thanh Tân	27/10/1948	Xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	D4, D3 Đoàn 104	9/1969	7/1973		Không có giấy tờ chứng minh tham gia TNXP đủ 24 tháng
51.	Nguyễn Mậu Đạt	5/3/1948	Xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh,	TDP 5 phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N127- P31	3/1967	3/1970	3 năm 1 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất

			tỉnh Quảng Bình						
52.	Nguyễn Thị Thiên	10/7/1947	Xã Lý Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	TDP 5 phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N127-P31	3/1967	3/1970	3 năm 1 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhất
53.	Phạm Thị Thanh	01/9/1947	Xã Lương Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	TDP 5 phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N127-P31	3/1967	3/1970	3 năm 1 tháng	Không có giấy tờ chứng minh tham gia TNXP đủ 24 tháng
54.	Nguyễn Văn Bút	30/7/1943	Xã Lý Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	TDP 5 phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C4-D159-F8 Đoàn 559	10/1970	11/1972	2 năm 2 tháng	Không có giấy tờ chứng minh tham gia TNXP đủ 24 tháng
55.	Bùi Văn Nhụ	20/5/1951	Phường Hoà Nghĩa, quận Dương Kinh, Hải Phòng	TDP 5 phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C752-N75-Ban XD 67	2/1968	7/1971	3 năm 6 tháng	Không có giấy tờ chứng minh tham gia TNXP đủ 24 tháng
56.	Hoàng Thị Hương	01/01/1952	Đức Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình	TDP 1 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, Quảng Trị	C3-D2 Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhì (bản khai huy chương không khớp thông tin với bản khai)
57.	Trương Viết Dung	6/6/1946	Bắc Lý, Đồng Hới, Quảng Bình	TDP 1 Bắc Lý, phường Đồng Thuận, Quảng Trị	C3-D2 Đoàn 104	5/1969	6/1975	6 năm 2 tháng	Sơ yếu lý lịch Đảng (chỉ có mốc thời gian bắt đầu)
58.	Hoàng Thị	10/11/1946	Phường Đồng Thuận,	phường Đồng Thuận,	C3- D2	12/1969	01/1973	3 năm 2	Chứng nhận được thưởng Huân chương Kháng

	Nguyễn		Quảng Trị	Quảng Trị	Đoàn 104			tháng	chiến hạng ba. Bản khai thành tích
59.	Nguyễn Lương Khón	18/8/1949	Phường Đồng Thuận, Quảng Trị	phường Đồng Thuận, Quảng Trị	C3- D2 Đoàn 104	12/1969	01/1973	3 năm 2 tháng	Chứng nhận được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhất. Bản khai thành tích
60.	Dương Thị Nghĩa	22/12/1951	Phường Đồng Thuận, Quảng Trị	phường Đồng Thuận, Quảng Trị	C13- N29-P31	2/1970	4/1975	5 năm 3 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhì. Bản khai thành tích
61.	Dương Thị Nhường	8/12/1952	Đồng Trạch, Bồ Trạch, Quảng Bình	phường Đồng Thuận, Quảng Trị	C751- N119- P31	7/1969	1/1973	3 năm 5 tháng	Huy chương kháng chiến hạng nhì. Bản khai thành tích
	Lộc Ninh (cũ)								
62.	Trần Xuân Lập	15/04/1941	Phường Bắc Gianh, tỉnh Quảng Trị	TDP 1 Phú Vinh, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị	C3-D7 Đoàn 104, Binh trạm 16 Đoàn 559	02/1968	02/1973	5 năm 01 tháng	Quyết định trợ cấp mất sức lao động có kê khai quá trình tham gia TNXP; Huân chương kháng chiến; giải mã phiên hiệu đơn vị
63.	Trần Thị Rằm	12/10/1951	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Ấp Rạch Lá, xã Thới Đồng, TPHCM	C10-715- BT17	10/1969	03/1972	3 năm 5 tháng	Giấy xác nhận số 134/GXN-HCTNXP ngày 05/8/2026 của HCTN XP tỉnh Quảng Trị; Ký niệm chương TNXP ; Thẻ Hội viên TN XP
64.	Nguyễn Xuân Thiêng	10/02/1950	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng	TDP Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận	D70- Đoàn 104	01/7/1970	5/1972	2 năm 5 tháng	Lý lịch Đảng viên; Ký niệm chương TNXP ; Thẻ Hội viên TN XP

			Trị	tỉnh Quảng Trị					
65.	Lê Thị Tích	10/10/1953	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C6- D159-E8 Đoàn 559	1/1972	3/1974	2 năm 2 tháng	Lý lịch Đảng viên; Kỷ niệm chương TNXB ; Thẻ Hội viên TN XP
66.	Lê Thị Ngân	04/9/1949	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104, 2 giới Quảng Trị	19/5/1969	30/5/197 5	6 năm 11 ngày	Kỷ niệm chương TNXB ; Thẻ Hội viên TN XP; GCN hưởng CS như thương binh; Huy chương kháng chiến hàng nhất
67.	Lê Thị Sen	12/08/1952	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3D2 Đoàn 104	19/5/1969	30/10/19 73	4 năm 5 tháng 21 ngày	Kỷ niệm chương TNXB, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ số 27/LĐTBXH-QB ngày 05/9/2002 V/v chi trả trợ cấp một lần đối với người hoạt động kháng chiến
68.	Nguyễn Thị Bích Lài	22/12/1947	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C753- N75-P31	7/1965	9/1967	2 năm 2 tháng	Kỷ niệm chương TNXB, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ số 427/LĐTBXH-QB ngày 23/1/2003 V/v Cấp giấy chứng nhận TB người hưởng chính cách như thương binh và trợ cấp thương tật; Huân chương kháng chiến hạng ba
69.	Bùi Thanh Hạt	15/01/1947	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3- N127- P31	09/3/1967	31/12/97 0	2 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXB, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ số 973/LĐTBXH-QB ngày 23/8/2003 V/v Cấp giấy chứng nhận TB người hưởng chính cách như thương binh và trợ cấp thương tật; Huân chương kháng chiến hạng ba
70.	Đặng Thị Chấn	10/10/1946	Phường Đồng Hới	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận	C4- N127-	09/3/1967	10/1970	32 năm 7 tháng 21	Kỷ niệm chương TNXB; GCN đã được hưởng huân chương kháng chiến hạng ba

			tỉnh Quảng Trị	tỉnh Quảng Trị	P31			ngày	
71.	Lê Tiến Dũng	10/2/1948	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3-D2 Đoàn 104	29/11/1969	30/4/1975	2 năm 2 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; GCN NHĐKC hưởng chất độc HH; Huân chương kháng chiến hạng ba; Ban khai thành tích tham gia Kháng chiến
72.	Đặng Thị Miéc		Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3-N127-P31	19/5/1969	30/5/1975	1 năm 7 tháng 11 ngày	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; GCN NHĐKC hưởng chất độc HH; Huân chương kháng chiến hạng ba
73.	Hồ Thị Hà	08/11/1949	Đông Trạch – Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C4 D7-104	5/1968	12/1970	2 năm 7 tháng	Giấy xác nhận số 349/GXN/HĐ ngày 31/8/2011 của Huyện đội bố Trạch; QĐ số 3235/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 v/v giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với TNXp
74.	Lê Văn Đoán	5/11/1933	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C10 – 715 - BT17	10/1969	3/1972	4 năm 0 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; QĐ số 1668/UBND ngày 27/6/2003 Của UBND tỉnh Quảng Bình V/v trợ cấp ưu đãi đối với TNXp kháng chiến;Huân chương kháng chiến hạng ba
75.	Võ Thị Bảnh	08/01/1946	Xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N 127 P31	09/3/1967	9/3/1970	1 năm 1 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Lý lịch Đảng viên
76.	Trần Giang Nam	17/12/1942	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	3/1967	3/1967	6/1970	2 năm 2 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Lý lịch Đảng viên
77.	Trần Thị	01/01/1952	Xã Ninh Châu, tỉnh	TDP Đông Lộc Đại, Phường Đồng Thuận	D3 F 473	10/1971	12/1973	2 năm 2	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; GCN số 416/GCN ngày 18/9/2003 của BCH QS

	Giản		Quảng Trị	tỉnh Quảng Trị	Đoàn 559			tháng	Huyện Quảng Ninh; Huân chương kháng chiến hạng 3
78.	Hoàng Công Di	05/12/1948	Nam Trạch tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Đoàn 104 (2 giới)	19/5/1969	30/4/1974	4 năm 17 tháng 11 ngày	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Ban khai thành tích tham gia Kháng chiến
79.	Nguyễn Thị Xuê	13/10/1944	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C17-D3-F473-559	04/02/1960	12/8/1963	2 năm 11 tháng 5 ngày	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Huân chương kháng chiến hạng Nhì, Hạng 3
80.	Trần Đình Xương	06/02/1945	Xã Nam Danh tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C752 – N119P31 ` đường 20 Quảng Trị + C753-N119P31	15/5/1965	10/7/1971	6 năm 2 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Bản tóm tắt thành tích và quá trình công tác; QĐ số 20 của xí nghiệp cung ứng lâm sản BTT; GCN đã từng chiến đấu công tác Chiến trường Trị thiên trong kháng chiến công mỹ và được tặng KNC của Quân khu Trị Thiên; Công văn số 137/CV/TĐ V/v đề nghị GQ chế độ cho đội viên LL TNXp thời kỳ chống Mỹ cứu nước
81.	Nguyễn Văn Quế	11/2/1948	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C1- D2-Đoàn 104 (2 giới)	26/11/1969	05/12/1973	4 năm 3 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Huân chương kháng chiến hạng 3
82.	Đỗ Thị Phụng	10/10/1950	Xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C1- D2-Đoàn 104 (2 giới)	26/11/1969	30/12/1973	4 năm 3 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Huy chương kháng chiến hạng Nhì
83.	Nguyễn Thị Cúc	03/6/1958	Xã Nam Ba Đồn tỉnh Quảng Trị	TDP Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C2 D72	06/02/1974	28/12/1976	2 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Giấy Xn TNXp của UBND xã Quảng Phúc; Tặng danh hiệu AHLLVT ND (LL TNXp tỉnh Quảng Bình);GCN Hội CTNXp VN GCN BCH

									Hội CTNXP tỉnh QB
84.	Cao Ngọc Tành	15/7/1941	Xã Nam Ba Đồn tỉnh Quảng Trị	TDP Lộc Ninh, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C755-N75-P3	1965	1975	11 năm 0 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; Lý lịch Đảng viên
85.	Nguyễn Thị Thìn		Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C6 - D195-E8-Đ559	01/1972	3/1974	2 năm 2 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; Công văn số 1101/TUĐDDTN NGÀY 03/10/2002 v/v đề nghị hưởng chính sách như TNXP
86.	Võ Tiến Sỹ	04/11/1955	Xã Nam Trạch tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C751N11 9P31	15/5/1973	20/10/1975	2 năm 5 tháng 5 ngày	Thẻ Hội viên TN XP; Công văn số 1101/TUĐDDTN NGÀY 03/10/2002 v/v đề nghị hưởng chính sách như TNXP
87.	Lê Thị Niều	09/9/1947	Xã Quảng Ninh tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C757-N75-P31	9/1965	3/1968	11 năm 11 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; Giấy xác nhận TNXP cử xã Hàm Ninh; Giấy xác nhận thành tích của xã Hàm Ninh; GCN Tham gia Hoả tuyến; HCKC hạng nhì
88.	Lê Hoàn	10/5/1956	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3N29	10/10/1973	30/12/1975	2 năm 2 tháng 20 ngày	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; Lý lịch đảng (khai chưa rõ ràng thời gian đi thanh niên xung phong)
89.	Lê Thị Thời	04/6/1946	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C4-N127-P31	03/3/1967	03/3/1970	2 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN của BCH QS Huyện Quảng Ninh số 314/GCN-BCH ngày 22/4/2016; GCN của BCH HTNXP tỉnh Quảng Bình số 134/GCN-HCTNXP ngày 12/12/2024
90.	Hoàng Trọng Dẫn		Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Đoàn 104	4/1970	01/1973	2 năm 8 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN HCTNXP; Lý lịch Đảng viên; Tặng danh hiệu AHLLVT ND (LL TNXP tỉnh Quảng

			Trị						Bình);
91.	Bùi Thị Duóm	01/12/1952	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C1D3BT 17	11/1971	12/1973	2 năm 01 tháng	GGCN HCTNXP, Kỷ niệm chương Tthanhf cổ Quảng trị; Thẻ Hội viên TN XP; GCN HCTNXP; Tặng danh hiệu AHLVT ND (LL TNXP tỉnh Quảng Bình); QĐ số 6485/QĐ-SLDTBXH tỉnh Quảng Bình VV trợ cấp m,ột lần đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc BVTQ làm nhiệm vụ Quốc tế
92.	Trần Đình Duynh	04/4/1946	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Hữu Cung Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N127-P31	02/1976	02/1969	3 năm 0 tháng	Kỷ niệm chương TNXP; Huân chương kháng chiến hạng Ba
93.	Hoàng Thị Tâm	06/7/1956	Xã nam Trạch tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C751-N119-P31	01/1972	9/1975	3 năm 8 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ số 422/QĐ-UB ngày 07/9/2001 V/v trợ cấp ưu đãi đối với TNXP tham gia kháng chiến
94.	Bùi Thanh Hoài	07/3/1943	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C1N127-P31	09/3/1967	05/02/1970	2 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; Bản khai thành tích tham gia kháng chiến; Huân chương kháng chiến hạng ba; Giấy xác nhận thông tin của Phòng CS QLHC về TTXH tỉnh Quảng Trị về cung cấp thông tin tàng thư căn cước
95.	Lê Ngọc Kinh	05/02/1941	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C7 Quảng Ninh – BT8-Đoàn 559			2 năm 11 tháng 26 ngày	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN có thời gian công tác XYZ; GCN đeo Huân chương; GCN Huân chương; Huân chương kháng chiến hạng nhì; GCN BCH tỉnh Hội QB
96.	Trần Thị Miên	10/02/1950	Phường Đồng Thuận	TDP 9 Bắc Lý Đại, Phường Đồng Thuận	C2D70 Đoàn 104	9/1969	30/4/1975	5 năm 8 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ số 749/TCCB/QĐ kèm theo DS cán bộ nhân

			tỉnh Quảng Trị	tỉnh Quảng Trị					viên nhận lương; LL Đảng viên
97.	Nguyễn Bá Tùng	01/12/1927	Xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Công trường 12 A, Ban xây dựng 67	8/1965	4/1974	8 năm 8 tháng	Lý lịch Đảng viên
98.	Trần Thị Ong	05/10/1946	Phường Đồng Hới tỉnh Quảng Trị	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3 D2 Đoàn 104 Hai Giới			2 năm 0 tháng 11 ngày	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; Bản khai thành tích tham gia kháng chiến; Huân chương kháng chiến hạng ba
99.	Nguyễn Xuân Ninh	10/10/1954	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C6D195E 8D559	01/1972	03/1974	2 năm 13 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, QĐ số 27/LĐTBXH-QĐ ngày 05/9/2002 V/v trợ cấp 1 lần người hoạt động kháng chiến. QĐ ngày 01/6/1992 Trợ cấp một lần
100.	Lê Thị Mai	16/8/1952	Xã Lam sơn tỉnh Thanh Hoá	TDP Phú Xá Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Đội N237P31 Đội N 119 P31	4/1969	30/4/1975	6 năm 02 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, QĐ số 27/LĐTBXH-QĐ ngày 05/9/2002 V/v trợ cấp 1 lần người hoạt động kháng chiến; Quyết định được hưởng trợ cấp 1 lần ngày 01/6/1992
101.	Dương Trung Kiên	20/02/1940	Xã Bắc Thái Ninh, tỉnh Hưng yên	TDP Tây Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	Đội Đội N 119 P31	6/1965	30/4/1975	9 năm 9 tháng	QĐ số 27/LĐTBXH-QĐ ngày 05/9/2002 V/v trợ cấp 1 lần người hoạt động kháng chiến; Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Lý lịch Đảng viên
102.	Nguyễn Xuân Hiện	02/10/1941	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	D2 Đoàn 104 Hai giới Quảng Bình	11/1969	12/1973	4 năm 01 tháng	Kỷ niệm chương TNXp, Thẻ Hội viên TN Xp; QĐ số 2159/QĐ ngày 20/10/1987 về trợ cấp 1 lần; Huân chương kháng chiến hạng ba

103.	Hoàng Đăng Pháo	10/7/1945	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C3N127P 31	09/3/1967	1970	2 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN được hưởng CS như thương binh;
104.	Đặng Thị Huê	07/3/1944	Phường Đồng Hới tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	N127- P31	09/3/1967	10/1970	2 năm 8tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN được hưởng CS như thương binh;GCN bị thương TNXP; BB hưởng CS như TB; Huy chương kháng chiến hạng nhất
105.	Dương Đình Khoa	16/10/1946	Xã Hoàn lão tỉnh Quảng Trị	TDP Tây Lộc Đại Đại, P. Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C7D17 - 104	15/8/1969	30/4/197 5	8 năm 15 ngày	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; QĐ 459 ngày 09/3/2004 Về việc Cấp GCN TB, người hưởng CS như TB và trợ cấp thương tật; Huân chương kháng chiến hạng ba
106.	Nguyễn Thị Hoi	10/3/1947	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	D2 Đoàn 104	09/5/1969	30/4/197 5	4 năm 10 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; GCN Huân chương kháng chiến hạng ba
107.	Võ Thị Hường	15/5/1953	Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	TDP Đông Lộc Đại Đại, Phường Đồng Thuận tỉnh Quảng Trị	C6 D195 – E8 -559	01/1972	03/1974	2 năm 3 tháng	Kỷ niệm chương TNXP, Thẻ Hội viên TN XP; 1101/TUDDTN NGÀY 03/10/2002 v/v đề nghị hưởng chính sách như TNXP
	Quang Phú cũ								
108.	Nguyễn Thị Dành	12/6/1954	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Quang Phú cũ)	C6 D195 E8 đoàn 559	12/1972	05/1974	2 năm	Thẻ hội viên; bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Thẻ thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 2004; Huy chương kháng chiến hạng nhất

109.	Phạm Thị Võ	10/10/1948	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Quang Phú cũ)	C1 N127 P31	09/3/1967	19/11/19 69	2 năm 8tháng	Thẻ hội viên; Bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Quyết định thương binh; Kỷ niệm chương TNXP năm 2000; Huy chương kháng chiến hạng nhất
110.	Phạm Thị Thuyền	24/8/1949	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Quang Phú cũ)	D70 đoàn 104	19/5/1969	30/4/197 5	3 năm 11 tháng	Thẻ hội viên; Bản khai thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ có kê khai quá trình tham gia TNXP; Kỷ niệm chương TNXP năm 2001; Huy chương kháng chiến hạng nhất
111.	Nguyễn Thị Vộ	18/10/1952	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Quang Phú cũ)	C2 D3 BT17 Đ559	01/1969	12/1971	2 năm 11 tháng	Thẻ hội viên; Chứng nhận được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì; Giấy xác nhận hội cử TNXP huyện Quảng Ninh cấp năm 2012; (không có giấy tờ thể hiện thời gian tham gia TNXP)

2. Đề nghị truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”: 03 trường hợp

TT	Họ và tên	Họ và tên thân nhân	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Đơn vị TNXP	Ngày tham gia TNXP	Ngày kết thúc TNXP	Tổng thời gian tham gia TNXP	Xét tặng, truy tặng	Giấy tờ minh chứng theo QĐ 01/2026/QĐ- TTg
1	Phạm On	Phạm Ngọc Thạch (Con)	1942	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Quang Phú cũ)	C7/A25, BT14,Đ559	15/7/1965			Truy tặng (từ trần)	Bằng Tổ Quốc ghi công
2	Đậu Viết Lai	Phan Thị Mầu	1946	Thôn Hoàng Viễn, xã Lệ Ninh, tỉnh	TDP 2 Đồng Thuận, Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	C759-N75- P31	2/1966	12/1970	4 năm 10 tháng	Truy tặng (từ trần)	Quyết định trợ cấp huân trí (bổ sung giấy chứng

				Quảng Trị							tử bản đồ)
3	Trần Thị Kiều Giang	Trần Văn Dương	1940	TDP 11, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị	TDP 11, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị (Bắc Lý cũ)	N75-754-B31	6/1965	8/1970	5 năm 2 tháng	Truy tặng (từ trần)	Huân chương kháng chiến hạng ba (Xin bản khai Huân chương kháng chiến)
4	Lê Hồng Quế	Lê Văn Quởn	1945	Xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị	TDP 1 Bắc Lý, Đồng Thuận, Quảng Trị	N75 – 751 – P31	6/1965	6/1968	3 năm 1 tháng	Truy tặng (từ trần)	Huy chương kháng chiến hạng nhất. Quyết định hưu trí

Danh sách trên có 115 trường hợp, trong đó:

- Xét tặng: 112 trường hợp
- Truy tặng: 04 trường hợp.